

Số: 219/QĐ-UBND

Lục Ba, ngày 20 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai quyết toán Ngân sách  
Nhà nước xã Lục Ba năm 2021**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LỤC BA**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Quyết định số 8118/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND huyện Đại Từ về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022;*

*Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 30/12/2021 của HĐND xã Lục Ba về phê duyệt dự toán ngân sách xã Lục Ba năm 2022;*

*Xét đề nghị của ban Tài chính xã Lục Ba.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán thu chi Ngân sách xã Lục Ba năm 2021 (theo các biểu kèm theo Quyết định này)

- Hình thức công khai: Gửi các trường xóm, niêm yết tại xóm, niêm yết tại trụ sở UBND ít nhất 30 ngày, phát trên loa truyền thanh của xã vào buổi sáng sớm hoặc chiều tối ít nhất 02 lần trong 1 tuần trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký quyết định công khai.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng UBND, ban Tài chính xã Lục Ba tổ chức thực hiện quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân huyện
- Phòng tài chính Huyện Đại Từ, KBNN;
- Đảng ủy, HĐND (b/c)
- UBMTTQ, các đoàn thể;
- Các đại biểu HĐND;
- Lưu VP, ban tài chính;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Đức Tuân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ LỤC BA**

**Số 04/BC-UBND**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Lục Ba, ngày 20 tháng 9 năm 2022*

Kính gửi: Phòng Tài chính- KH huyện Đại Từ

Căn cứ thông tư 343/2016/ TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND xã Lục Ba về phê duyệt quyết toán ngân sách xã Lục Ba năm 2021;

Ủy ban nhân dân xã Lục Ba Báo cáo niêm yết công khai quyết toán ngân sách xã Lục Ba năm 2021 như sau:

1. Nội dung công khai:

- Công khai số liệu quyết toán ngân sách xã Lục Ba năm 2021

*(Kèm các phụ biểu)*

2. Thời gian thực hiện công khai: 30 ngày (từ ngày 20/8/2022 đến hết ngày 20/9/2022)

3. Địa điểm và hình thức công khai: niêm yết tại trụ sở UBND xã, thông báo trên cụm loa truyền thanh, gửi các ông bà trưởng xóm trong toàn xã Lục Ba, gửi trên cổng thông tin điện tử của xã

Vậy UBND xã Lục Ba báo cáo tình hình thực hiện niêm yết công khai dự toán thu chi ngân sách xã Lục Ba năm 2022 theo đúng Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính./.

*Nơi nhận:*

- Như kính gửi (B/c);

- Lưu VPUB;

**T.M ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Đức Tuấn**



Số: 28/NQ-HĐND

Lục Ba, ngày 20 tháng 7 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách**  
**xã Lục Ba năm 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ LỤC BA**  
**KHOÁ XX - KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền Địa phương, ngày 19/6/ 2015; Luật sửa đổi, bổ sung số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 và có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;*

*Xét tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã Lục Ba về đề nghị phê chuẩn quyết toán ngân sách xã Lục Ba năm 2021; Báo cáo thẩm tra của ban Kinh tế- Xã hội, Thường trực HĐND xã. Tổng hợp các ý kiến thảo luận tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**



**Điều 1:** Phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách xã Lục Ba năm 2021 cụ thể như sau:

<b>I- Tổng thu Ngân sách:</b>	<b>5.812.759.430</b>	<b>đồng</b>
1- Thu cân đối từ thuế phí:	314.779.786	đồng
2- Thu trợ cấp:	5.434.665.000	đồng
3- Thu kết dư ngân sách:	63.314.644	đồng
<b>II - Tổng chi Ngân sách:</b>	<b>5.802.344.406</b>	<b>đồng</b>
1- Chi thường xuyên:	4.851.021.684	đồng
2- Chi đầu tư XDCB:	670.209.000	đồng
3- Chi chuyển nguồn:	281.113.732	đồng
<b>III- Kết dư ngân sách</b>	<b>10.415.014</b>	<b>đồng</b>

**Điều 2:** Giao cho UBND xã Lục Ba điều hành, quản lý sử dụng số kết dư ngân sách năm 2021 chuyển sang năm 2022 theo chế độ hiện hành.

**Điều 3:** Giao cho Thường trực HĐND và các đại biểu HĐND xã Lục Ba giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được HĐND xã Lục Ba nhiệm kỳ 2021-2026 kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2021./.

**Nơi nhận:**

- TT. HĐND; UBND huyện (để B/cáo)
- TT. Đảng ủy, TT. HĐND xã;
- Các đại biểu HĐND khóa XX;
- UBND xã (T/hiện);
- Các ban ngành Đoàn thể xã;
- Lưu: VP-HĐ.





## TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
<b>Tổng số thu</b>	4.530.864.270	4.530.864.270	5.812.759.430	5.812.759.430	123,93	123,93
<b>I. Các khoản thu 100%</b>	38.000.000	38.000.000	53.298.330	53.298.330	140,26	140,26
1. Phí, lệ phí	24.000.000	24.000.000	15.280.000	15.280.000	63,67	63,67
2. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3. Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4. Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			28.668.330	28.668.330		
5. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6. Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8. Thu khác	14.000.000	14.000.000	9.350.000	9.350.000	66,79	66,79
<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	132.000.000	132.000.000	261.481.456	261.481.456	198,09	198,09
1. Các khoản thu phân chia	52.000.000	52.000.000	44.082.124	44.082.124	84,77	84,77
1.1. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
1.2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	32.000.000	32.000.000	7.600.000	7.600.000	23,75	23,75
1.4. Lệ phí trước bạ nhà, đất	20.000.000	20.000.000	36.482.124	36.482.124	182,41	182,41
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	80.000.000	80.000.000	217.399.332	217.399.332	271,75	271,75
2.1. Thu tiền sử dụng đất						
2.2. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3. Thuế tài nguyên						
2.4. Thuế giá trị gia tăng			21.724.109	21.724.109		
2.5. Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6. Thuế thu nhập cá nhân	80.000.000	80.000.000	195.675.223	195.675.223	244,59	244,59
2.7. Thuế tiêu thụ đặc biệt						
<b>III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>IV. Thu chuyển nguồn</b>						
<b>V. Thu kết dư ngân sách năm trước</b>			63.314.644	63.314.644		
<b>VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	4.360.864.270	4.360.864.270	5.434.265.000	5.434.265.000	121,54	121,54
1. Bổ sung cân đối ngân sách	3.242.180.000	3.242.180.000	3.242.180.000	3.242.180.000	100	100
2. Bổ sung có mục tiêu	1.118.684.270	1.118.684.270	2.192.085.000	2.192.085.000	183,97	183,97

Tỉnh: Thái Nguyên  
Huyện: Đại Từ  
Xã: Lục Ba

Kế toán trưởng



Trần Thị Ngân

Ngày 10 tháng 3 năm 2022

TM. UBND xã

Chủ tịch UBND xã

(Ký tên và đóng dấu)



TM. UBND XÃ LỤC BA

CHỦ TỊCH

Trần Đức Tuấn



Tỉnh: Thái Nguyên  
 Huyện: Đại Từ  
 Xã: Lục Ba

Mẫu biểu số 09

## TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)				
	Tổng số	ĐTPT	Tổng số	ĐTPT	Tổng số	ĐTPT	TX		
<b>I</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8 = 5/2</b>	<b>9 = 6/3</b>	<b>10 = 7/4</b>
<b>Tổng số chi</b>	<b>5.718.840.914</b>	<b>670.209.000</b>	<b>5.048.631.914</b>	<b>5.521.230.684</b>	<b>670.209.000</b>	<b>4.851.021.684</b>			
1. Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	608.804.000		608.804.000	579.351.192		579.351.192	95		
1.1. Chi dân quân tự vệ	368.804.000		368.804.000	352.197.010		352.197.010	95		
1.2. Chi trật tự an toàn xã hội	240.000.000		240.000.000	227.154.182		227.154.182	95		
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế	42.912.000		42.912.000	42.912.000		42.912.000	100		
5. Chi văn hóa, thông tin	22.000.000		22.000.000	8.020.000		8.020.000	36		
6. Chi phát thanh, truyền thanh									
7. Chi thể dục, thể thao	135.000.000		135.000.000	126.817.000		126.817.000	94		
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế									
9.1. Giao thông									
9.2. Nông - lâm - thủy lợi - hải sản									
9.3. Thị chính									
9.4. Thương mại, du lịch									
9.5. Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.074.551.914		4.074.551.914	3.929.143.692		3.929.143.692			
Trong đó: Quỹ lương									
10.1. Quản lý Nhà nước	2.648.227.914		2.648.227.914	2.559.029.422		2.559.029.422	97		
10.2. Đảng Công sản Việt Nam	599.300.000		599.300.000	598.841.428		598.841.428	100		



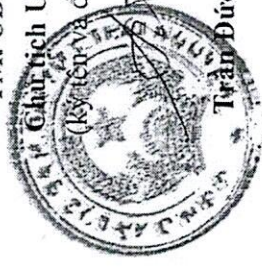
Tỉnh: Thái Nguyên  
 Huyện: Đại Từ  
 Xã: Lục Ba

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)				
	Tổng số	ĐTPT	TX	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	
I	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	253.371.000		253.371.000	241.043.738		241.043.738	95		
10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	107.407.000		107.407.000	99.867.592		99.867.592	93		
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	136.407.000		136.407.000	129.960.275		129.960.275	95		
10.6. Hội Cựu chiến binh	100.407.000		100.407.000	93.427.324		93.427.324	93		
10.7. Hội Nông dân	63.408.000		63.408.000	56.129.313		56.129.313	89		
10.8. Chi hội đặc thù	166.024.000		166.024.000	150.844.600		150.844.600	91		
11. Chi cho công tác xã hội	159.400.000		159.400.000	158.813.800		158.813.800	100		
11.1. Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	147.300.000		147.300.000	146.713.800		146.713.800	100		
11.2. Tré mồ côi, người già không nơi nương tựa									
11.3. Trợ cấp xã hội									
11.4. Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng									
11.5. Khác	12.100.000		12.100.000	12.100.000		12.100.000	100		
12. Chi khác	5.964.000		5.964.000	5.964.000		5.964.000			
12. Chi đầu tư XD CB	670.209.000	670.209.000	670.209.000	670.209.000	670.209.000	670.209.000		100	
13. Dự phòng									
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									

Ngày 18 tháng 3 năm 2022

TM. UBND xã

Chủ tịch UBND xã  
 (Ký tên và đóng dấu)



Trần Đức Tuấn

Kế toán trưởng

*(Signature)*

Trần Thị Ngân



Tỉnh: Thái Nguyên  
Huyện: Đại Từ  
Xã: Lục Ba

Mẫu biểu số 13

## BIỂU TỔNG HỢP THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM 2021			THỰC HIỆN NĂM 2021		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
<b>TỔNG CỘNG</b>	142.869.531	146.239.531	-3.370.000	142.869.531	146.239.531	-3.370.000
1. Hoạt động quỹ công chuyên dùng	40.710.000	44.080.000	-3.370.000,0	40.710.000,0	44.080.000,0	-3.370.000,0
- Quỹ đền ơn đáp nghĩa	8.220.000	5.970.000,0	2.250.000,0	8.220.000,0	5.970.000,0	2.250.000,0
- Quỹ bảo trợ trẻ em	7.910	7.910.000,0		7.910.000,0	7.910.000,0	
- Quỹ vì người nghèo	8.180.000	11.800.000,0	-3.620.000,0	8.180.000,0	11.800.000,0	-3.620.000,0
- Quỹ Nhân đạo	8.220.000	11.000.000,0	-2.780.000,0	8.220.000,0	11.000.000,0	-2.780.000,0
- Quỹ Khuyến học	8.180.000	7.400.000,0	780.000,0	8.180.000,0	7.400.000,0	780.000,0
2. Thu hộ	17.000.000	17.000.000,0		17.000.000,0	17.000.000,0	
- Thu hộ	17.000.000	17.000.000,0		17.000.000,0	17.000.000,0	
3. Chi hộ	85.159.531	85.159.531,0		85.159.531,0	85.159.531,0	
- Chi hộ	85.159.531	85.159.531,0		85.159.531,0	85.159.531,0	

Ngày 10 tháng 5 năm 2021

Kế toán trưởng

Trần Thị Ngân

TM. UBND Xã:

Chủ tịch UBND xã

(Ký tên và đóng dấu)



Trần Đức Tuấn

Tỉnh: Thái Nguyên

Huyện: Đại Từ

Xã : Lục Ba

Mẫu số B05 - X

(Ban hành theo QĐ số 94/2005/QĐ-BTC

ngày 12/12/2005 của Bộ trưởng BTC)

### BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2021

TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán, quyết toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2021			Giá trị đã thanh toán từ 01/01/2021 đến 31/01/2022			Chia theo nguồn	Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó	Tổng số	Xây lắp	Thiết bị	Khác	Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước			Nguồn cân đối ngân sách
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
<b>I. Công trình đã quyết toán</b>		<b>1.985.295.520</b>	<b>0</b>	<b>805.809.000</b>	<b>733.809.000</b>		<b>72.000.000</b>	<b>1.985.000.000</b>	<b>1.379.000.000</b>	<b>68.809.000</b>	<b>537.000.000</b>	
Trụ sở UBND xã HM, lát gạch sân, bó bôn cây	2020	737.000.000		737.000.000	665.000.000		72.000.000	737.000.000	200.000.000		537.000.000	
Năng cấp tuyến đường giao thông nông thôn xóm Văn Thành di xóm Thành Lập xã Lục Ba	2019	1.248.295.520		68.809.000	68.809.000		0	1.248.000.000	1.179.000.000	68.809.000		
<b>II. Công trình khởi công mới</b>		<b>1.042.000.000</b>	<b>652.000.000</b>	<b>1.042.000.000</b>	<b>1.042.000.000</b>			<b>64.400.000</b>		<b>64.400.000</b>	<b>0</b>	
Dường GTNL năm 2021: Đường BTXM xóm Hà Thái, Văn Thành, Thành Lập, Già Lóm, Bàu Châu	2021	1.042.000.000	652.000.000	1.042.000.000	1.042.000.000			64.400.000		64.400.000		
<b>Tổng cộng</b>		<b>3.027.295.520</b>	<b>652.000.000</b>	<b>1.847.809.000</b>	<b>1.775.809.000</b>		<b>72.000.000</b>	<b>2.049.400.000</b>	<b>1.379.000.000</b>	<b>133.209.000</b>	<b>537.000.000</b>	

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 10 tháng 02 năm 2022

Chủ tịch UBND xã  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Trần Thị Ngân

Trần Thị Ngân

Trần Đức Tuấn





Tỉnh Thái Nguyên  
Huyện Đại Từ  
Xã Lục Ba

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm: 2021

### I - Một số đặc điểm:

- Xã Lục Ba là một năm ở phía Nam của huyện Đại Từ, cách trung tâm huyện khoảng 4km, có vị trí địa lý tiếp giáp với các đơn vị sau:

- Phía Bắc giáp xã Mỹ Yên

- Phía Nam giáp xã Văn Yên Và Ký Phú

- Phía Đông giáp xã Tân Thái và xã Vạn Thọ

- Phía Tây giáp xã Mỹ Yên

- Diện tích : 1.313.27 ha, trong đó: Đất nông nghiệp: 719.03 ha; Đất phi nông: 594.24 ha; Đất chưa sử dụng: ha; Đất ở nông thôn: .....ha

- Dân số: 4613 người

- Ngành nghề: Nông lâm ngư nghiệp: 78.3 %, Thương mại dịch vụ: 5,3 %; Công nghiệp XD và tiểu thủ công nghiệp: 16.4 %;

- Mục tiêu và nhiệm vụ kinh tế tài chính trong năm ngân sách của xã:

### II - Tình hình ngân sách và tài chính của xã

#### 1 - Ngân sách xã

- Đánh giá thu, chi ngân sách xã so với năm trước

+ Thu ngân sách xã tăng 15% so với năm 2020

+ Chi ngân sách xã tăng 50% so với năm 2020

- Nguyên nhân tăng, giảm thu chi ngân sách

+ Nguyên nhân tăng do thu bổ xung có mục tiêu tăng dẫn đến việc chi ngân cũng tăng.

#### 2 - Thu, chi quỹ công chuyên dùng

Tên Quỹ	Tồn năm trước	Tổng số thu	Tổng số chi	Còn lại	Ghi chú
1. Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	1.710.000	8.220.000	5.970.000	3.960.000	
2. Quỹ Bảo trợ trẻ em	7.916.000	7.910.000	7.910.000	7.916.000	
3. Quỹ Vì người nghèo	21.833.000	8.180.000	11.800.000	18.213.000	
4. Quỹ Nhân đạo	13.090.000	8.220.000	11.000.000	10.310.000	
5. Quỹ khuyến học		8.180.000	7.400.000	780.000	
6. Quỹ ủng hộ PCTT		25.858.660	25.858.660	0	
<b>Tổng cộng</b>	<b>44.549.000</b>	<b>66.568.660</b>	<b>69.938.660</b>	<b>41.179.000</b>	

#### 3- Tình hình công nợ

CHỈ TIÊU	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
		Tăng	Giảm	
I - Các khoản phải thu				
II - Các khoản phải trả		670.209.000	670.209.000	0

Đường GTNT năm 2021: Đường BTXM xóm Hà Thái, Văn Thanh, Thành Lập, Gò Lớn, Bầu Châu		64.400.000	64.400.000	
Trụ sở UBND xã Lục Ba HM, Lát gạch sân, bỏ bồn cây		537.000.000	537.000.000	
Nâng cấp tuyến đường GTNT xóm Văn Thanh đi xóm Thành Lập xã Lục Ba		68.809.000	68.809.000	0
<b>III - Các khoản thu hộ, chi hộ</b>		<b>43.799.800</b>	<b>43.799.800</b>	
- Tiền điện hỗ trợ hộ nghèo		18.799.800	18.799.800	
Quỹ ATGT		5.000.000	5.000.000	
Chi TT học tập cộng đồng		20.000.000	20.000.000	

4 - Thu sự nghiệp kinh tế:

5 - Tình hình tăng giảm tài sản:

6 - Phân tích nguyên nhân:

- Khách quan:.....
- Chủ quan:.....
- Kiến nghị đề xuất:.....

Kê toán trưởng



Trần Thị Ngân

Ngày 10 tháng 02 năm 2022

Chủ tịch UBND xã



Trần Đức Tuấn



Huyện: Đại Từ  
UBND Xã: Lục Ba

Mẫu số B01- X  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2019/TT-BTC  
ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính)

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm: 2021

I. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: đồng

ST T	Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
	<b>TÀI SẢN</b>			
I	Tiền	1	354.711.746	509.010.948
II	Chi ngân sách xã chưa hạch toán vào ngân sách Nhà nước	2		
III	Các khoản phải thu	3	349.541.000	306.683.000
IV	Hàng tồn kho	4	42.094.000	42.094.000
V	Tài sản cố định	10	15.130.178.329	3.918.021.201
1	Tài sản cố định hữu hình	11	14.130.178.329	2.918.021.201
	- Nguyên giá	12	25.123.657.236	8.465.561.947
	- Hao mòn lũy kế	13	-10.993.478.907	-5.547.540.746
2	Tài sản cố định vô hình	15	1.000.000.000	1.000.000.000
	- Nguyên giá	16	1.000.000.000	1.000.000.000
	- Hao mòn lũy kế	17		
VI	Xây dựng cơ bản dở dang	20	7.575.788.515	16.328.281.300
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (30=01+02+03+04+10+20)</b>	30	23.452.313.590	21.104.090.449
	<b>NGUỒN VỐN</b>			
I	Nợ phải trả	40	359.044.106	732.537.490
II	Thu ngân sách xã chưa hạch toán vào ngân sách nhà nước	41		
III	Thặng dư (thâm hụt) lũy kế	45	10.415.014	63.314.644
IV	Các quỹ tài chính ngoài ngân sách của xã	46	41.179.000	44.549.000
V	Nguồn khác	47	23.041.675.470	20.263.659.315
1	Nguồn kinh phí đầu tư XD CB	48	15.739.026.955	13.631.219.800
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	49	7.302.648.515	6.632.439.515
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (50=40+41+45+46+47)</b>	50	23.452.313.590	21.104.060.449

## II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG XÃ

ST T	Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1	Thu ngân sách xã hạch toán vào ngân sách Nhà nước	60	5.812.759.430	12.359.286.225
2	Chi ngân sách xã hạch toán vào ngân sách Nhà nước	61	5.802.344.416	12.295.971.581
3	Thặng dư (62= 60 - 61)	62	10.415.014	63.314.644

III. LƯU CHUYỂN TIỀN

ST T	Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1	Các khoản thu	70	5.945.550.961	14.626.520.088
	- Thu ngân sách xã	71	5.812.759.430	12.327.810.411
	- Tiền thu khác	72	132.791.531	2.298.709.677
2	Các khoản chi	73	-6.099.850.163	-14.207.264.954
	- Tiền chi ngân sách xã	74	-6.008.237.632	-14.073.676.754
	- Tiền chi khác	75	-91.612.531	-133.588.200
3	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động xã	76	154.299.202	154.299.202
4	Số dư tiền đầu kỳ	77	509.010.948	89.755.814
5	Số dư tiền cuối kỳ	78	354.711.746	244.055.016

IV. THUYẾT MINH

1. Thông tin bổ sung cho phần I – Tình hình tài chính

1.1. Tiền

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt		
- Tiền gửi Kho bạc	10.415.014	63.314.644
- Tiền gửi Ngân hàng	303.117.732	362.053.304
- Tiền gửi khác	41.179.000	83.643.000
Tổng cộng tiền	354.711.746	509.010.948

1.2. Các khoản phải thu

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tạm ứng		
- Phải thu khác	349.541.000	306.683.000
Tổng cộng các khoản phải thu	0	306.683.000

1.3. Hàng tồn kho

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	42.094.000	42.094.000
- Công cụ, dụng cụ		
Tổng hàng tồn kho	42.094.000	42.094.000

1.4. Tài sản cố định

Chi tiết	TSCĐ hữu hình	TSCĐ vô hình
Nguyên giá	25.123.657.236	8.465.561.947
Số dư đầu năm	25.123.657.236	8.465.561.947
Tăng trong năm		
Giảm trong năm		
Giá trị hao mòn lũy kế	10.993.478.907	5.547.540.746
Giá trị còn lại cuối năm	15.130.178.329	2.918.021.201



1.5. Xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Mua sắm TSCĐ (chi tiết theo từng tài sản)		
b. XDCB dở dang (chi tiết theo từng công trình)	7.575.788.515	16.328.281.300
c. Nâng cấp TSCĐ (chi tiết theo từng tài sản)		
Tổng giá trị xây dựng dở dang	7.575.788.515	16.328.281.300

1.6. Nợ phải trả

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Các khoản nộp theo lương		
- Các khoản nộp nhà nước		
- Phải trả cán bộ, công chức		
- Các khoản thu hộ, chi hộ	0	39.064.000
- Nợ phải trả khác	359.044.106	693.473.490
Tổng cộng các khoản phải trả	359.044.106	732.537.490

1.7. Các quỹ ngoài ngân sách của xã

Chi tiết	Số tiền
<b>Quỹ: Quỹ an ninh quốc phòng</b>	
- Số dư đầu kỳ	0
- Phát sinh tăng trong năm	0
- Phát sinh giảm trong năm	
- Số dư cuối kỳ	0
<b>Quỹ: Quỹ đền ơn đáp nghĩa</b>	
- Số dư đầu kỳ	1.710.000
- Phát sinh tăng trong năm	8.220.000
- Phát sinh giảm trong năm	5.970.000
- Số dư cuối kỳ	3.960.000
<b>Quỹ: Quỹ bảo trợ trẻ em</b>	
- Số dư đầu kỳ	7.916.000
- Phát sinh tăng trong năm	7.910.000
- Phát sinh giảm trong năm	7.910.000
- Số dư cuối kỳ	7.916.000
<b>Quỹ: Quỹ vì người nghèo</b>	
- Số dư đầu kỳ	21.833.000
- Phát sinh tăng trong năm	8.180.000
- Phát sinh giảm trong năm	11.800.000
- Số dư cuối kỳ	18.213.000
<b>Quỹ: Quỹ Nhân đạo</b>	
- Số dư đầu kỳ	13.090.000
- Phát sinh tăng trong năm	8.220.000
- Phát sinh giảm trong năm	11.000.000
- Số dư cuối kỳ	10.310.000

Huyện: Đại Từ  
UBND Xã: Lục Ba

Quỹ: Quỹ Khuyến học	
- Số dư đầu kỳ	0
- Phát sinh tăng trong năm	8.180.000
- Phát sinh giảm trong năm	7.400.000
- Số dư cuối kỳ	780.000
Quỹ: Quỹ phòng chống thiên tai	
- Phát sinh tăng trong năm	0
- Phát sinh giảm trong năm	0
- Số dư cuối kỳ	

2. Thông tin bổ sung cho phần 2 - Kết quả hoạt động

Chi tiết	Mã số	Số tiền
- Thu ngân sách xã hạch toán vào ngân sách Nhà nước	80	5.812.759.430
+ Thu ngân sách xã	81	5.812.759.430
+ Thu bổ sung từ chênh lệch Thu lớn hơn chi sự nghiệp	82	
- Chi ngân sách xã hạch toán vào ngân sách Nhà nước	83	5.802.344.416
- Thặng dư (Số kết dư ngân sách xã năm nay)	84	10.415.014

Kế toán trưởng

++

Trần Thị Ngân

....., ngày 14 tháng 3 năm 2022

Chủ tịch UBND xã

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Đức Tuấn